

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
1	95909	Châu Khả Ái	
2	104313	Dương Vĩnh An	
3	150031	Hà Thân Khánh An	
4	94661	Muhamath Phan Tuấn An	
5	90004	Nguyễn Hoàng Khánh An	
6	94662	Nguyễn Thuận An	
7	95580	Nguyễn Trần Diệu An	
8	91397	Nguyễn Xuân An	
9	91398	Nhữ Khánh An	
10	108467	Phạm Gia An	
11	104326	Phạm Hoàng Khánh An	
12	90012	Trần Nam An	
13	90015	Trần Nhật Khánh An	
14	146040	Đỗ Bùi Phước Ân	
15	138541	Hồ Phạm Thiên Ân	
16	105765	Huỳnh Hy Ân	
17	146041	Mai Vũ Đức Ân	
18	93802	Nguyễn Minh Hồng Ân	
19	106972	Nguyễn Vũ Hồng Ân	
20	105773	Phan Châu Diệu Ân	
21	105783	Bùi Lê Tuấn Anh	
22	104347	Chung Trần Minh Anh	
23	90028	Đặng Minh Anh	
24	94457	Đặng Ngọc Anh	
25	91123	Đào Nguyễn Nam Anh	
26	183103	Đoàn Trương Trâm Anh	
27	90041	Lê Châu Anh	
28	104368	Lê Hà Anh	
29	92216	Mai Nguyễn Lan Anh	
30	104382	Ngô Quỳnh Anh	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
31	149029	Ngô Tâm Anh	
32	184323	Nguyễn Bảo Yến Anh	
33	101455	Nguyễn Hà Phương Anh	
34	94683	Nguyễn Hoàng Anh	
35	108510	Nguyễn Minh Anh	
36	104394	Nguyễn Ngọc Minh Anh	
37	114000	Nguyễn Phan Quỳnh Anh	
38	90072	Nguyễn Phúc Anh	
39	91847	Nguyễn Quốc Anh	
40	90076	Nguyễn Quốc Thoại Anh	
41	104402	Nguyễn Quỳnh Anh	
42	146061	Nguyễn Thị Kiều Anh	
43	91849	Nguyễn Thị Vân Anh	
44	90078	Nguyễn Thu Nguyệt Anh	
45	93818	Nguyễn Thúy Anh	
46	105845	Phạm Võ Hà Anh	
47	94181	Phan Ngô Tuấn Anh	
48	100078	Tổng Quỳnh Anh	
49	90101	Trần Đăng Vân Anh	
50	146070	Trần Đỗ Quỳnh Anh	
51	101487	Trần Hoàng Thái Anh	
52	104424	Trần Phương Anh	
53	149059	Trần Thụy Hải Anh	
54	92236	Trần Tuyết Anh	
55	108543	Trịnh Ngọc Quỳnh Anh	
56	91137	Võ Phạm Đan Anh	
57	95229	Vũ Mai Anh	
58	93806	Đặng Hoàng Trâm Anh	
59	125641	Lâm Trần Phương Anh	
60	91128	Lê Ngọc Mai Anh	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
61	95218	Ninh Thực Anh	
62	91418	Phan Việt Anh	
63	125681	Trần Ngọc Phương Anh	
64	100083	Trương Huỳnh Bảo Anh	
65	90114	Nguyễn Quang Ngọc Ánh	
66	91141	Nguyễn Hoàng Bách	
67	92605	Nguyễn Xuân Bách	
68	146674	Chiêm Hoàng Bảo	
69	92608	Đinh Thế Bảo	
70	105871	Dương Phúc Bảo	
71	144053	Lê Gia Bảo	
72	126608	Lê Hoàng Thiên Bảo	
73	94699	Nguyễn Bá Quốc Bảo	
74	94190	Trần Hoàng Thiên Bảo	
75	90121	Văn Phúc Bảo	
76	105888	Viên Ngọc Hoàng Bảo	
77	94697	Đào Nguyễn Gia Bảo	
78	93839	Phan Ngọc Như Bích	
79	101519	Trần Thị Ngọc Bích	
80	109877	Hứa Thiệu Bình	
81	100114	Nguyễn Hòa Bình	
82	94468	Vương Gia Bình	
83	92627	Bùi Hoàng Bảo Châu	
84	90130	Đỗ Hoàng Hà Châu	
85	94469	Lương Ngọc Bảo Châu	
86	104479	Nguyễn Minh Châu	
87	92636	Thái Minh Châu	
88	92639	Trần Minh Châu	
89	92628	Đặng Minh Châu	
90	90136	Phạm Minh Châu	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
91	101534	Dương Quế Chi	
92	118249	Lê Võ Mai Chi	
93	90146	Nguyễn Phan Khánh Chi	
94	91875	Phạm Trang Quỳnh Chi	
95	92651	Trần Phương Chi	
96	150231	Triệu Thảo Chi	
97	183251	Lê Hoàng Khánh Đan	
98	136288	Lê Ngọc Khánh Đan	
99	91678	Phạm Trần Linh Đan	
100	94721	Bùi Thế Đăng	
101	100142	Đinh Hải Đăng	
102	91433	Ngô Hải Đăng	
103	90160	Nguyễn Hải Đăng	
104	104510	Phạm Diệp Nhật Đăng	
105	104511	Trương Minh Đăng	
106	92662	Lê Thụy Hải Đăng	
107	125740	Nguyễn Lam Đăng	
108	9044	Bùi Quốc Đạt	
109	146117	Phạm Lê Gia Đạt	
110	142137	Trần Quốc Đạt	
111	105935	Trương Gia Đạt	
112	94734	Võ Thành Đạt	
113	157590	Đỗ Bội Di	
114	101559	Lê Mai Ngọc Di	
115	95251	Lý Bảo Di	
116	91687	Trần Nguyễn Ngọc Diệp	
117	108647	Châu Uyển Đình	
118	9051	Nguyễn Ái Đình	
119	95256	Lâm Bảo Đình	
120	92683	Huỳnh Nhật Đông	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
121	91688	Đinh Dương Nhã Đồng	
122	91890	Đoàn Minh Đức	
123	104538	Nguyễn Lê Xuân Đức	
124	91893	Nguyễn Tấn Đức	
125	136335	Nguyễn Hoàng Dung	
126	91896	Lê Tiến Dũng	
127	90181	Nguyễn Quốc Dũng	
128	180818	Bành Chấn Dương	
129	91437	Đặng Thùy Dương	
130	92694	Nguyễn Phan Thùy Dương	
131	94752	Huỳnh Kỳ Anh Duy	
132	104564	Nguyễn Anh Duy	
133	91907	Nguyễn Đức Minh Duy	
134	118286	Nguyễn Minh Duy	
135	9041	Vũ Đức Duy	
136	93867	Bùi Bảo Giang	
137	104583	Mai Lê Quỳnh Giang	
138	91693	Nguyễn Hồ Thu Giang	
139	138812	Nguyễn Linh Giang	
140	92710	Trương Thu Giang	
141	92262	Vũ Trúc Giang	
142	90192	Đỗ Quỳnh Giao	
143	90196	Ngô Võ Phương Hà	
144	104593	Nguyễn Ngọc Hà	
145	91176	Nguyễn Xuân Bảo Hà	
146	94212	Phan Hồ Thanh Hà	
147	126730	Phan Thanh Hà	
148	93869	Trần Lê Hà	
149	149179	Trần Thanh Hà	
150	91447	Trương An Hạ	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
151	92723	Trần Nhật Hạ	
152	100203	Huỳnh Tuấn Hải	
153	93872	Trịnh Ngọc Phước Hải	
154	92727	Bùi Bảo Hân	
155	95926	Cao Bảo Hân	
156	101623	Đỗ Bảo Gia Hân	
157	190094	Lê Trần Bảo Hân	
158	94215	Lý Gia Hân	
159	90210	Nguyễn Gia Hân	
160	94766	Nguyễn Ngọc Hân	
161	125812	Ôn Gia Hân	
162	106018	Trần Đăng Bảo Hân	
163	106019	Trần Gia Hân	
164	106021	Trần Khánh Hân	
165	95280	Châu Thục Hân	
166	92729	Đỗ Gia Hân	
167	95297	Khuru Ngọc Hạnh	
168	92746	Trì Nguyễn Minh Hạnh	
169	94770	Văn Kiệt Hào	
170	91185	Hồ Như Hào	
171	92755	Đỗ Minh Hiền	
172	91453	Lê Phạm Thảo Hiền	
173	94774	Bùi Trung Hiếu	
174	101051	Hoàng Nguyễn Minh Hiếu	
175	92757	Huỳnh Thị Minh Hiếu	
176	93881	Lê Nguyễn Ngọc Hiếu	
177	106039	Lưu Nguyễn Minh Hiếu	
178	110083	Bùi Như Quỳnh Hoa	
179	90228	Vũ Hoàng Hoa	
180	92765	Đặng Lê Thái Hoà	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
181	114969	Đỗ Huy Hoàng	
182	92768	Dương Huy Hoàng	
183	90233	Lê Nguyễn Hoàng	
184	93884	Nguyễn Hoàng	
185	125847	Vũ Nhật Hoàng	
186	93890	Nguyễn Thái Huân	
187	94786	Cao Đặng Hùng	
188	90858	Lương Quang Hưng	
189	119541	Nguyễn Tuấn Hưng	
190	125854	Phạm Quốc Hưng	
191	125858	Vũ Tiến Hưng	
192	114988	Dương Nguyễn Quỳnh Hương	
193	91201	Huỳnh Ngọc Mai Hương	
194	106075	Tạ Thái Mai Hương	
195	93898	Dương Gia Huy	
196	136491	Lâm Đức Huy	
197	91202	Lưu Trần Gia Huy	
198	108824	Nguyễn Đăng Huy	
199	136499	Nguyễn Gia Huy	
200	91204	Nguyễn Hữu Gia Huy	
201	90263	Trần Phạm Bảo Huy	
202	104717	Ngô Ngụy Mỹ Huyền	
203	183471	Nguyễn Thanh Huyền	
204	93903	Mai Vạn Thanh Huyền	
205	100291	Lê Vũ Huỳnh	
206	91707	Nguyễn Phạm Vân Huỳnh	
207	92813	Nguyễn Ngọc Huỳnh	
208	92815	Nguyễn Trọng Gia Hy	
209	92293	Phan Xuân Hy	
210	146201	Hồ Tường Khải	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
211	104725	Ngô Thiên Khải	
212	93906	Đặng Minh Khang	
213	101711	Đỗ Minh Khang	
214	94815	Dư Thanh Khang	
215	92826	Lâm Vũ Khang	
216	91210	Ngô Minh Khang	
217	90282	Nguyễn Bảo Khang	
218	9104	Nguyễn Đức Khang	
219	91952	Nguyễn Gia Khang	
220	90285	Nguyễn Hưng Khang	
221	146213	Nguyễn Minh Khang	
222	106121	Phạm Bảo Khang	
223	146223	Tiêu Phúc Khang	
224	125893	Đào Duy Khang	
225	125894	Đoàn Gia Khang	
226	92846	Trương Hoàng Khang	
227	104764	Cao Mai Khanh	
228	104765	Nguyễn Hoàng Thy Khanh	
229	104768	Phạm Quỳnh Khanh	
230	137890	Trần Hà Khanh	
231	115855	Đỗ An Khánh	
232	104772	Lê Ngọc Khánh	
233	94839	Nguyễn Đức Khánh	
234	101741	Tăng Gia Khánh	
235	106145	Trần Cao Như Khánh	
236	91965	Võ Đăng Khánh	
237	104789	Vũ Gia Khánh	
238	152063	Vũ Phương Ngọc Khánh	
239	91966	Hoàng Khiêm	
240	94844	Nguyễn Đình Khiêm	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
241	94845	Nguyễn Hoàng Duy Khiêm	
242	94846	Phan Minh Khiêm	
243	94850	Bùi Nguyễn Đăng Khoa	
244	108911	Đỗ Đăng Khoa	
245	90304	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	
246	104799	Huỳnh Kiến Khoa	
247	129135	Lê Đức Đăng Khoa	
248	90306	Lê Tiến Khoa	
249	94857	Mai Nguyễn Đăng Khoa	
250	101756	Nguyễn Anh Khoa	
251	91972	Nguyễn Đăng Khoa	
252	92884	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	
253	91975	Trần Nguyễn Anh Khoa	
254	9118	Trần Đăng Khoa	
255	92895	Bùi Nguyên Khôi	
256	101771	Hà Vũ Anh Khôi	
257	91982	Huỳnh Minh Khôi	
258	116724	Lê Đăng Khôi	
259	106178	Lê Nguyễn Bá Khôi	
260	104840	Nguyễn Minh Khôi	
261	94874	Nguyễn Phan Minh Khôi	
262	93932	Nguyễn Thạc Khôi	
263	106194	Đặng Ngọc Khuê	
264	103911	Đào Thụy Minh Khuê	
265	104854	Liêu Minh Khuê	
266	92917	Nguyễn Hoàng Thục Khuê	
267	101794	Phạm Ngọc Mỹ Khuyên	
268	9089	Nguyễn Anh Kiệt	
269	96079	Nguyễn Tuấn Kiệt	
270	115067	Trần Minh Kiệt	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
271	95330	Nguyễn Ngọc Kiều	
272	90338	Lê Đăng Thiên Kim	
273	118429	Nguyễn Hoàng Kim	
274	108985	Nguyễn An Kỳ	
275	149399	Lê Hoàng Nhã Lam	
276	92945	Lê Uyên Lam	
277	90916	Trang Ngọc Lam	
278	104889	Vũ Nhật Lam	
279	104892	Hồ Hứa Tuệ Lâm	
280	90357	Nguyễn Ngọc Khánh Lâm	
281	136694	Nguyễn Phương Khánh Lâm	
282	94274	Nguyễn Thanh Lâm	
283	9221	Nguyễn Trần Quế Lâm	
284	94899	Nguyễn Tú Lâm	
285	9136	Trần Hạo Lâm	
286	125968	Đào Mai Lâm	
287	94903	Bùi Hoàng Nhật Linh	
288	106244	Đỗ Ngọc Thùy Linh	
289	90371	Dương Khánh Linh	
290	135483	Hoàng Khánh Linh	
291	96401	Lưu Gia Linh	
292	92319	Nguyễn Khánh Linh	
293	139116	Nguyễn Thụy Trúc Linh	
294	92971	Thiều Nguyễn Ái Linh	
295	92972	Tổng Mỹ Linh	
296	139126	Trần Đăng Bảo Linh	
297	9140	Trần Hoàng Linh	
298	104931	Trần Mỹ Linh	
299	90385	Trần Hoàng Phương Linh	
300	100420	Vũ Khánh Linh	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
301	91244	Dương Hiền Gia Lộc	
302	92005	Cao Việt Long	
303	107250	Lê Quốc Long	
304	90396	Ngô Quý Long	
305	92008	Nguyễn Nam Long	
306	118467	Phan Thành Long	
307	127012	Trương Minh Long	
308	94920	Nguyễn Đức Duy Long	
309	92994	Đặng Hà Tuyết Mai	
310	92999	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	
311	111590	Phan Ngọc Tuệ Mẫn	
312	106292	Trần Tuệ Mẫn	
313	90418	Trương Thảo Mi	
314	107270	Bùi Đức Minh	
315	101865	Bùi Lê Tuấn Minh	
316	95685	Huỳnh Tâm Minh	
317	94298	Lê Bảo Minh	
318	146311	Nguyễn Bảo Gia Minh	
319	126033	Nguyễn Kiều Quang Minh	
320	112983	Nguyễn Nhật Minh	
321	92023	Nguyễn Trần Ngọc Minh	
322	126035	Nguyễn Tấn Minh	
323	93027	Trần Đặng Hải Minh	
324	90443	Đinh Võ Khánh My	
325	126050	Lương Khải My	
326	92341	Nguyễn Cao Hoàng My	
327	93037	Nguyễn Lý Lan My	
328	110417	Trương Hà Thùy My	
329	90450	Võ Hồng Hà My	
330	147045	Nguyễn Hà My	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
331	90452	Nguyễn Hải Nam	
332	127076	Nguyễn Huy Nam	
333	90454	Nguyễn Khoa Nam	
334	93050	Nguyễn Lê Bảo Nam	
335	115174	Nguyễn Thái Hoàng Nam	
336	91257	Tiêu Chấn Nam	
337	105053	Phan Nguyễn Ngọc Nga	
338	139247	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	
339	110450	Nguyễn Kim Ngân	
340	105070	Trương Thanh Ngân	
341	93059	Bùi Khánh Ngân	
342	126074	Huỳnh Bảo Ngân	
343	93067	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	
344	116006	Đặng Hoàng Phương Nghi	
345	105077	Đinh Phương Nghi	
346	146347	Đoàn Nguyễn Gia Nghi	
347	93660	Hồ Gia Nghi	
348	101204	Nguyễn Đình Tâm Nghi	
349	114345	Nguyễn Đông Nghi	
350	90478	Nguyễn Lưu Đoàn Nghi	
351	90479	Nguyễn Mỹ Khánh Nghi	
352	93080	Nguyễn Phương Nghi	
353	135604	Nguyễn Xuân Nghi	
354	109161	Phạm Ngọc Phương Nghi	
355	93982	Trần Ngọc Phương Nghi	
356	91733	Yên Võ Đông Nghi	
357	90474	Nguyễn Đông Nghi	
358	184596	Nguyễn Kha Bảo Nghi	
359	95879	Nguyễn Xuân Nghi	
360	92045	Phan Lê Bảo Nghi	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
361	106391	Đỗ Quang Nghĩa	
362	91270	Nguyễn Tấn Nghĩa	
363	126099	Phan Huy Nghĩa	
364	93990	Đặng Thanh Ngọc	
365	96999	Hồ Kim Ngọc	
366	107331	Hoàng Lâm Bảo Ngọc	
367	90489	Huỳnh Phạm Bảo Ngọc	
368	101950	Lê Dương Bảo Ngọc	
369	92052	Lê Nguyễn Như Ngọc	
370	92365	Nguyễn Hoàng Kim Ngọc	
371	91277	Nguyễn Lê Bích Ngọc	
372	114357	Nguyễn Lưu Bảo Ngọc	
373	114358	Nguyễn Phạm Như Ngọc	
374	93104	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	
375	94316	Nguyễn Trần Khánh Ngọc	
376	105132	Trần Lê Thanh Ngọc	
377	106420	Trương Bảo Ngọc	
378	94977	Võ Khánh Ngọc	
379	9347	Dương Yến Ngọc	
380	93094	Lê Thị Minh Ngọc	
381	126107	Ngô Bảo Ngọc	
382	93107	Phạm Trần Khánh Ngọc	
383	94978	Bùi Trần Thảo Nguyên	
384	157973	Hồ Nguyễn Bảo Nguyên	
385	90503	Hoàng Thảo Nguyên Nguyên	
386	106429	Huỳnh Trần Bảo Nguyên	
387	105155	Phan Gia Bảo Nguyên	
388	93998	Trần Ngọc Bảo Nguyên	
389	149565	Trương Quang Khôi Nguyên	
390	105158	Võ Đoàn Thảo Nguyên	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
391	93999	Võ Hoàng Nguyên	
392	94001	Võ Thanh Trang Nguyên	
393	126127	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	
394	94319	Nguyễn Sĩ Khôi Nguyên	
395	95419	Nguyễn Thanh Nhã	
396	94990	Kim Nhân	
397	93134	Bùi Võ Thành Nhân	
398	126135	Nguyễn Trí Nhân	
399	128252	Huỳnh Minh Nhật	
400	90528	Trần Lê Minh Nhật	
401	91740	Võ Minh Nhật	
402	106467	Lê Đình Uyên Nhi	
403	107368	Lê Phạm Kiều Nhi	
404	109262	Liên Mẫn Nhi	
405	91292	Lương Diệp Yến Nhi	
406	95004	Nguyễn Thị Thanh Nhi	
407	106479	Trần Hoàng Yến Nhi	
408	95884	Trần Thiên Nhi	
409	149606	Trương Uyên Nhi	
410	93144	Bùi Nguyễn Gia Nhi	
411	93147	Đỗ Nguyễn Phương Nhi	
412	126149	Lý Khánh Nhi	
413	100578	Nguyễn Uyên Nhi	
414	95728	Lê Hồ An Nhiên	
415	102000	Lê Hoàng Thảo Nhiên	
416	106483	Lương Mộc Nhiên	
417	91522	Quách Phạm Minh Nhiên	
418	115258	Đỗ Ý Như	
419	95010	Lạc Gia Như	
420	94023	Lâm Tâm Như	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
421	91821	Lê Ngọc Hà Như	
422	95011	Lê Nguyễn Quỳnh Như	
423	119156	Nguyễn Châu Quỳnh Như	
424	151118	Nguyễn Tuyết Như	
425	107388	Trần Ngọc Quỳnh Như	
426	93177	Lê Tâm Như	
427	126171	Nguyễn Hoài Như	
428	95013	Trương Ngọc Khả Như	
429	105217	Biện Ngọc Yến Oanh	
430	92081	Nguyễn Duy Phát	
431	93194	Nguyễn Lương Phát	
432	92082	Nguyễn Nghiêm Gia Phát	
433	93196	Trần Minh Phát	
434	90546	Châu Vĩnh Phong	
435	92393	Đặng Minh Phong	
436	128345	Đỗ Thanh Hồng Phú	
437	91532	Nguyễn Gia Phú	
438	90554	Đào Hoàng Phúc	
439	94341	Hồ Nguyễn Minh Phúc	
440	92097	Hoàng Tấn Phúc	
441	95028	Huỳnh Ngô Thiên Phúc	
442	109363	Lê Kiều Thiên Phúc	
443	106544	Lương Thái Hồng Phúc	
444	146418	Ngũ Gia Phúc	
445	93221	Nguyễn Lê Hữu Hoàng Phúc	
446	109370	Nguyễn Thiên Phúc	
447	114442	Sú Tú Phúc	
448	90560	Trần Gia Phúc	
449	92104	Trần Vạn Phúc	
450	91308	Nguyễn Viết Phúc	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
451	126211	Võ Thiên Phước	
452	116964	Bùi Châu Y Phương	
453	93231	Hình Ngọc Trúc Phương	
454	92108	Huỳnh Ngọc Thu Phương	
455	93242	Nguyễn Hoàng Linh Phương	
456	105284	Nguyễn Hoàng Mai Phương	
457	95047	Nguyễn Hồng Phương	
458	95741	Nguyễn Khánh Phương	
459	94349	Nguyễn Phạm Mai Phương	
460	94060	Nguyễn Thị Huỳnh Phương	
461	91313	Phạm Bùi Thanh Phương	
462	105292	Phạm Minh Phương	
463	181435	Phạm Trúc Phương	
464	100665	Phạm Yến Phương	
465	93250	Trần Lan Phương	
466	106593	Võ Ngọc Lan Phương	
467	93258	Đỗ Dương Anh Quân	
468	105305	Hoàng Kim Đông Quân	
469	128398	Hoàng Trọng Minh Quân	
470	102070	Lê Đỗ Minh Quân	
471	105309	Lê Hữu Minh Quân	
472	149709	Nguyễn Minh Quân	
473	106609	Trần Hoàng Quân	
474	92402	Lê Vinh Quang	
475	92119	Nguyễn Lê Quang	
476	114475	Nguyễn Nhật Quang	
477	91543	Hoàng Hữu Minh Quang	
478	180240	Đỗ Tú Quyên	
479	122735	Lương Trinh Tú Quyên	
480	93286	Huỳnh Nhã Di Quỳnh	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
481	109435	Lý Gia Quỳnh	
482	91023	Nguyễn Như Quỳnh	
483	91759	Phạm Trương Diễm Quỳnh	
484	94078	Phùng Yến Quỳnh	
485	118618	Trang Lê Quỳnh	
486	145446	Vũ Nguyễn Khánh Quỳnh	
487	126241	Cao Ngọc Trúc Quỳnh	
488	93288	Nguyễn Thị Mai Quỳnh	
489	93290	Trần Nguyên Quỳnh	
490	107465	Hoàng Lâm Tài	
491	90612	Nguyễn Huỳnh Ngọc Tâm	
492	94086	Thái Vi Tâm	
493	90611	Đỗ Hoàng Quyết Tâm	
494	94361	Nguyễn Lê Nhật Tân	
495	105376	Lê Hoàng Thái	
496	92132	Phạm Duy Thắng	
497	94365	Lê Nguyễn Uyên Thanh	
498	126268	Đỗ Đan Thanh	
499	126269	Hoàng Ngọc Thiên Thanh	
500	93312	Phan Ngọc Đan Thanh	
501	95091	Nguyễn Đình Thành	
502	95092	Nguyễn Đông Thành	
503	93325	Đinh Phan Miên Thảo	
504	126288	Hoàng Thanh Thảo	
505	126292	Nguyễn Ngọc Xuân Thảo	
506	90631	Nguyễn Trần Phương Thảo	
507	135837	Thạch Nguyễn Ngọc Thảo	
508	90633	Trần Anh Thi	
509	107500	Chung Hạo Thiên	
510	93342	Nguyễn Quốc Thiên	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
511	102140	Nguyễn Hữu Đạt Thiện	
512	93348	Huỳnh Phúc Thịnh	
513	146478	Lý Như Đức Thịnh	
514	101316	Mai Quốc Thịnh	
515	105428	Phạm Phú Thịnh	
516	100760	Trần Minh Thơ	
517	90644	Trần Thiên Thông	
518	93358	Giang Bội Thu	
519	90647	Cao Minh Thư	
520	146484	Đinh Nguyễn Anh Thư	
521	93363	Dương Bảo Thư	
522	93365	Huỳnh Minh Thư	
523	127397	Lê Thị Anh Thư	
524	91766	Mã Anh Thư	
525	105450	Nguyễn Anh Thư	
526	117940	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	
527	93379	Nguyễn Trần Kim Thư	
528	93382	Trần Ngọc Anh Thư	
529	100763	Huỳnh Ngọc Minh Thư	
530	91765	Lê Ngọc Anh Thư	
531	126335	Nguyễn Ngọc Minh Thư	
532	95112	Nguyễn Trương Hoàng Thư	
533	90660	Lê Phước Thuận	
534	100778	Đinh Vũ Thường	
535	105474	Lê Nguyễn Phương Thùy	
536	92431	Phan Ngọc Phương Thùy	
537	104210	Bùi Ngọc Minh Thy	
538	91770	Đặng Anh Thy	
539	102170	Huỳnh Kim Bảo Thy	
540	106738	Lê Hoàng Mai Thy	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
541	92159	Lê Lâm Trúc Thy	
542	141484	Lê Nguyễn Khánh Thy	
543	93394	Phạm Lê Bảo Thy	
544	93396	Phạm Nguyễn Minh Thy	
545	105486	Phan Trần Minh Thy	
546	94582	Trương Minh Thy	
547	91357	Hoàng Ngọc Tiên	
548	106755	Phan Bùi Thủy Tiên	
549	94382	Đặng Ngọc Thủy Tiên	
550	91562	Trần Vĩnh Tiến	
551	100801	Nguyễn Minh Toàn	
552	93408	Dương Thái Toàn	
553	102190	Nguyễn Đắc Tôn	
554	137307	Đặng Phương Trà	
555	102191	Lê Đặng Phương Trà	
556	106760	Lê Như Khúc Trà	
557	93412	Cao Thị Ngọc Trâm	
558	91361	Lê Trịnh Quỳnh Trâm	
559	93425	Lâm Bảo Trân	
560	105516	Lê Bảo Trân	
561	106775	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	
562	95534	Võ Lê Mai Trân	
563	165605	Lê Thùy Trang	
564	94389	Trần Bùi Thùy Trang	
565	90682	Trần Nguyễn Minh Trang	
566	93440	Vũ Thảo Minh Trang	
567	127469	La Khải Trí	
568	107570	Nguyễn Minh Trí	
569	93446	Trần Đức Trí	
570	94128	Nguyễn Trần Mạnh Trí	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
571	127480	Nguyễn Quốc Triệu	
572	106797	Lê Ngọc Phương Trinh	
573	126415	Lê Phú Trọng	
574	92174	Hoàng Xuân Trúc	
575	90697	Nguyễn Lâm Thanh Trúc	
576	92456	Thái Thanh Trúc	
577	105552	Trần Nguyễn Nhã Trúc	
578	93461	Trần Thanh Trúc	
579	102221	Phạm Bảo Trung	
580	105562	Trần Quang Trường	
581	93467	Vũ Tuấn Trường	
582	146548	Đào Anh Tú	
583	90699	Dương Diệp Minh Tú	
584	104263	Hoàng Cẩm Tú	
585	149913	Trần Quỳnh Diễm Tú	
586	91784	Xu Trần Mẫn Tú	
587	91576	Nguyễn Trần Hoàng Tuấn	
588	91375	Phan Trần Anh Tuấn	
589	90708	Đinh Đào Duy Tùng	
590	9419	Huỳnh Ngọc Tùng	
591	145877	Hồ Ngọc Cát Tường	
592	93479	Lê Ngọc Cát Tường	
593	90711	Nguyễn Ngọc Cát Tường	
594	106839	Phạm Ngô Khánh Tường	
595	93485	Phạm Ngọc Khiết Tường	
596	93478	Hồng Vỹ Tường	
597	126443	Phan Võ Cát Tường	
598	102242	Ngô Đình Phúc Uy	
599	105582	Lê Khả Úy	
600	106846	Đoàn Diệp Song Uyên	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
601	92460	Lê Bảo Uyên	
602	110995	Lê Thị Mỹ Uyên	
603	90717	Nguyễn Ngọc Tường Uyên	
604	106859	Tạ Gia Uyên	
605	93490	Lâm Mỹ Uyên	
606	95555	Lê Nguyễn Tường Vân	
607	94593	Nguyễn Huỳnh Thu Vân	
608	92470	Nguyễn Thy Vân	
609	106867	Tăng Kiến Văn	
610	106868	Nguyễn Ngọc Vi	
611	106869	Trần Hoàng Tường Vi	
612	111025	Nhan Ngọc Cao Vĩ	
613	91382	Phạm Văn Khôi Vĩ	
614	102255	Trần Vĩnh Cát Viên	
615	151650	Huỳnh Phương Việt	
616	148891	Nguyễn Lê Tuấn Việt	
617	96147	Nguyễn Trọng Vinh	
618	139923	Lê Quang Vũ	
619	106881	Nguyễn Hữu Quốc Vương	
620	94403	Âu Tú Vy	
621	177806	Đỗ Ngọc Bảo Vy	
622	127567	Dương Bình Phương Vy	
623	95172	Huỳnh Mai Trúc Vy	
624	91584	Lê Hoàng Diệu Vy	
625	94151	Lê Tường Vy	
626	106889	Nguyễn Bảo Vy	
627	108416	Nguyễn Cao Hồng Vy	
628	148919	Nguyễn Đoàn Lê Vy	
629	95175	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	
630	93518	Nguyễn Lê Minh Vy	

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

STT TRÚNG TUYỂN	SBD	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
631	95176	Nguyễn Ngọc Lam Vy	
632	106896	Nguyễn Phương Vy	
633	106901	Nguyễn Thị Ái Vy	
634	137520	Nguyễn Trần Đông Vy	
635	151698	Phạm Khánh Vy	
636	105653	Phạm Lê Tường Vy	
637	93528	Phan Hoàng Thảo Vy	
638	93531	Trần Hoàng Lê Vy	
639	92196	Trần Ngọc Thảo Vy	
640	126482	Lâm Ngọc Bảo Vy	
641	95173	Lê Ngọc Thanh Vy	
642	126489	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	
643	126493	Nguyễn Trần Khánh Vy	
644	94404	Nguyễn Tường Vy	
645	93537	Đàm Ngọc Như Ý	
646	95180	Huỳnh Ngọc Như Ý	
647	93542	Đàm Hà Yên	
648	150019	Nguyễn Phúc Yên	
649	127614	Nguyễn Phương Yến	
650	138520	Võ Nguyễn Phi Yến	